



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	18 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 16 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 043 772 4466
Fax : 043 772 4460
Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Số 18 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Luru, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	16 Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 5,6 Tòa nhà 95B Khu Lao động Thịnh Hào, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Lầu 4, 18 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đông Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Trảng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
40 Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Lan	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

tuan thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban lãnh đạo,



Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0784/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày tháng 8 năm 2016, từ trang 9 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

2.C.
4
U HAI
U VA
DI
P. HT

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Văn Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		3.762.818.894.191	3.560.223.091.177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	160.126.397.663	308.443.852.767
1. Tiền	111		107.076.397.663	51.293.852.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.050.000.000	257.150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.263.062.170.447	2.002.798.490.107
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	79.502.064.260	120.222.672.796
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(819.893.813)	(174.182.689)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.184.380.000.000	1.882.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		668.216.678.625	601.071.122.261
1. Phải thu của khách hàng	131		342.789.159.330	397.523.200.932
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	V.3	321.387.965.957	329.205.951.278
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		21.401.193.373	68.317.249.654
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	128.561.175.893	95.427.825.767
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	V.5	274.216.892.116	178.531.336.165
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(77.350.548.714)	(70.411.240.603)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	10.100.490.810	9.619.317.749
1. Hàng tồn kho	141		10.176.932.357	9.695.759.296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.441.547)	(76.441.547)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.857.162.690	125.000.603.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	128.338.367.554	123.345.316.040
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		126.680.291.490	121.468.560.031
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.658.076.064	1.876.756.009
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.442.515.085	580.635.286
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1.076.280.051	1.074.651.863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	V.18c	529.455.993.956	513.289.705.104
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		315.098.170.746	298.110.560.168
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		214.357.823.210	215.179.144.936

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		836.314.439.626	727.739.601.402
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.071.529.843	17.750.477.670
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		16.071.529.843	17.750.477.670
6.1 Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10.280.000.000	10.780.000.000
6.2 Phải thu dài hạn khác	216.2		5.791.529.843	6.970.477.670
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		65.395.094.782	60.214.912.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	61.624.649.951	57.017.008.674
<i>Nguyên giá</i>	222		130.717.987.865	120.770.404.758
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(69.093.337.914)	(63.753.396.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.770.444.831	3.197.904.293
<i>Nguyên giá</i>	228		8.219.618.567	7.376.063.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.449.173.736)	(4.178.158.718)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	89.622.979.005	90.333.667.176
<i>Nguyên giá</i>	231		91.099.979.212	90.970.255.582
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.477.000.207)	(636.588.406)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.030.518.452	25.954.901.508
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	40.030.518.452	25.954.901.508
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		606.155.922.775	516.588.413.826
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	126.336.125.226	124.501.638.493
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	164.976.686.400	57.467.435.621
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(44.148.238.258)	(42.229.009.695)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	358.991.349.407	376.848.349.407
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.038.394.769	16.897.228.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16.558.610.454	14.226.398.286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	42.268.586
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	249		2.479.784.315	2.628.561.383
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.599.133.333.817	4.287.962.692.579

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		300		2.782.503.150.030	2.444.581.849.388
I. Nợ ngắn hạn		310		2.780.990.535.825	2.441.827.672.431
1. Phải trả người bán		311	V.14	173.376.396.373	157.668.805.826
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		311.1		143.412.788.178	127.664.598.876
1.2 Phải trả khác cho người bán		311.2		29.963.608.195	30.004.206.950
2. Người mua trả tiền trước		312	V.15	6.492.023.870	37.374.118.199
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	28.149.970.111	22.490.552.994
4. Phải trả người lao động		314		22.180.316.888	56.573.774.788
5. Chi phí phải trả		315		53.617.437	692.255.517
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		55.238.644.346	74.182.146.698
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		108.123.355.746	109.233.960.118
8. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.17	174.814.521.415	62.900.664.294
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		-	2.029.800.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		123.674.365	24.539.637
10. Dự phòng nghiệp vụ		329	V.18	2.212.438.015.274	1.918.657.054.360
10.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.1	V.18a	1.444.949.372.604	1.264.462.864.552
10.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.2	V.18a	684.527.023.890	582.996.936.818
10.3 Dự phòng dao động lớn		329.3	V.18b	82.961.618.780	71.197.252.990
II. Nợ dài hạn		330		1.512.614.205	2.754.176.957
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	V.19	-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		1.028.923.136	2.008.923.136
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)		400		1.816.630.183.787	1.843.380.843.191
Vốn chủ sở hữu		410	V.20	1.816.630.183.787	1.843.380.843.191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		827.943.052.804	827.943.052.804
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		19.773.444.835	18.168.277.954
9. Quỹ dự trữ bắt buộc		419		36.312.733.442	36.312.733.442
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		127.652.632.957	156.055.922.056
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		52.444.789.180	3.908.257.188
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		75.207.843.777	152.147.664.868
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		991.229.749	943.766.935
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		4.599.133.333.817	4.287.962.692.579

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		240.027.548.203	210.170.630.726
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		161.456,12	95.523,50
Euro (EUR)		28.927,20	28.929,25
Bảng Anh (£)		352,78	354,43

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		1.124.469.281.015	822.737.767.751
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	46.922.847.717	31.507.365.282
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.3	1.425.981.600	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.4	114.813.920.393	45.310.558.241
4. Thu nhập khác	13		380.281.478	588.934.080
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		892.303.296.599	599.016.223.077
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2	VI.5	41.743.096.221	26.757.259.781
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	840.411.801	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.7	26.135.817.101	4.339.831.487
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		1.110.079.893	1.264.622.659
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.8	233.922.255.445	206.575.540.214
9. Chi phí khác	24		572.622.237	151.271.341
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		1.906.897.816	551.536.193
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		93.291.630.722	62.591.412.988
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	18.312.133.666	13.247.828.771
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(275.809.535)	438.619.468
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		75.255.306.591	48.904.964.749
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		47.462.814	41.523.098
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.2		75.207.843.777	48.863.441.651
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	935	970

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	1.334.564.078.811	970.640.918.699
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		1.470.497.468.245	1.106.396.392.879
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		44.553.118.618	48.691.528.688
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		180.486.508.052	184.447.002.868
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02		321.626.397.238	222.312.648.032
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		338.614.007.816	300.239.968.347
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		16.987.610.578	77.927.320.315
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		1.012.937.681.573	748.328.270.667
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		111.531.599.442	74.409.497.084
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		111.390.463.793	74.247.063.220
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		141.135.649	162.433.864
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		1.124.469.281.015	822.737.767.751
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		46.922.847.717	31.507.365.282
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		513.458.066.926	347.400.255.454
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		516.300.769.193	351.632.871.688
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		2.842.702.267	4.232.616.234
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		105.385.987.180	68.961.758.161
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		101.530.087.072	54.993.796.586
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(821.321.726)	18.397.583.062
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15		510.423.488.544	315.034.710.817
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		11.764.365.790	8.548.479.532
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17		370.115.442.265	275.433.032.728
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		119.484.930.502	93.646.157.704
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		250.630.511.763	181.786.875.024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		892.303.296.599	599.016.223.077
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		41.743.096.221	26.757.259.781
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10 - 18)	19.1		232.165.984.416	223.721.544.674
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		5.179.751.496	4.750.105.501
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.2	1.425.981.600	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	840.411.801	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		585.569.799	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.4	114.813.920.393	45.310.558.241
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.7	26.135.817.101	4.339.831.487
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		88.678.103.292	40.970.726.754
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		1.110.079.893	1.264.622.659
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.8	233.922.255.445	206.575.540.214
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		91.577.073.665	61.602.214.056
23. Thu nhập khác	31		380.281.478	588.934.080
24. Chi phí khác	32		572.622.237	151.271.341
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(192.340.759)	437.662.739
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		1.906.897.816	551.536.193
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		93.291.630.722	62.591.412.988
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	18.312.133.666	13.247.828.771
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(275.809.535)	438.619.468
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>75.255.306.591</u>	<u>48.904.964.749</u>
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.1		47.462.814	41.523.098
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		75.207.843.777	48.863.441.651
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>935</u>	<u>970</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	93.291.630.722	60.286.084.247
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.952.592.607	3.434.446.235
- Các khoản dự phòng	03	287.118.919.860	152.850.716.345
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	1.116.658
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(86.147.933.865)	(34.516.016.543)
- Chi phí lãi vay	06	43.147.281	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	301.258.356.605	182.056.346.942
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(46.333.737.327)	(1.161.053.273.117)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(481.173.061)	(766.420.548)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(58.576.921.163)	1.145.971.247.850
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.325.263.682)	(8.443.923.549)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	40.720.608.536	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.147.281)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.129.185.096)	(10.713.019.578)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	79.700.000	2.391.014.040
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(110.565.272)	(5.956.077.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	216.058.672.259	143.485.894.891
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.497.703.195)	(7.216.176.420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(376.263.000.000)	(171.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	92.862.435.621	235.743.010.412
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(108.631.686.400)	(223.985.615.961)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	750.000.000	219.138.861.416
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.568.805.478	28.870.202.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(360.211.148.496)	80.700.282.272

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.029.800.000)	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(2.135.178.867)	(31.570.978.425)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(4.164.978.867)</i>	<i>(31.570.978.425)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(148.317.455.104)	192.615.198.738
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	308.443.852.767	33.560.737.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	160.126.397.663	226.175.936.620

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	98,33%	98,33%	98,33%	98,33%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty có 1.591 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.529 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

49
CHI
CỔ
HN
TO
A
TA
E

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2016 : 22.345 VND/USD
31/12/2015 : 22.540 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.727.662.917	7.114.682.682
Tiền gửi ngân hàng	61.760.278.746	44.179.170.085
Tiền đang chuyển	35.588.456.000	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	53.050.000.000	257.150.000.000
Cộng	<u>160.126.397.663</u>	<u>308.443.852.767</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
BHS	4.183.061.565	4.183.061.565		-	-	
MAC	-	-		5.191.194.015	5.106.412.200	84.781.815
TCO	9.059.105.656	9.059.105.656		10.213.625.656	10.213.625.656	
VFA	-	-		3.089.948.500	3.089.948.500	
VNR	14.261.500.905	14.261.500.905		14.261.500.905	14.261.500.905	
VSC	2.140.219.018	2.140.219.018		-	-	
BVH	1.190.784.045	1.180.000.000	10.784.045	-	-	
VFG	1.144.303.886	1.144.303.886		-	-	
MBB	7.144.748.980	7.144.748.980		-	-	
PGI	11.025.322.004	11.025.322.004		21.096.244.641	21.096.244.641	
PHH	-	-		11.419.433.280	11.419.433.280	
SDF	-	-		6.052.582.420	6.052.582.420	
VTX	-	-		1.591.115.880	1.591.115.880	
NET	4.051.133.530	4.051.133.530		-	-	
SHI	-	-		732.549.726	732.549.726	
VNE	6.271.972.098	5.620.650.000	651.322.098	2.067.546.899	2.067.546.899	
VTV	-	-		4.101.980.874	4.012.580.000	89.400.874
ACV	-	-		29.600.000.000	29.600.000.000	
DPTW2	1.908.413.500	1.908.413.500		1.908.413.500	1.908.413.500	
CSV	709.745.540	709.745.540		-	-	
DGC	2.928.504.820	2.928.504.820		-	-	
FCN	2.180.692.140	2.030.000.000	150.692.140	-	-	
GEX	1.606.095.530	1.599.000.000	7.095.530	5.854.981.000	5.854.981.000	
VIC	-	-		3.041.555.500	3.041.555.500	
VIS	1.149.722.000	1.149.722.000		-	-	
HPG	5.325.187.568	5.325.187.568		-	-	
VGG	3.221.551.475	3.221.551.475		-	-	
Cộng	79.502.064.260	78.682.170.447	819.893.813	120.222.672.796	120.048.490.107	174.182.689

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.184.380.000.000	2.184.380.000.000	1.882.750.000.000	1.882.750.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.170.180.000.000	2.170.180.000.000	1.860.760.000.000	1.860.760.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	14.200.000.000	14.200.000.000	21.990.000.000	21.990.000.000
Dài hạn	358.991.349.407	319.756.666.848	376.848.349.407	337.613.666.848
Tiền gửi có kỳ hạn	72.063.000.000	72.063.000.000	89.920.000.000	89.920.000.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư trái phiếu	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
<i>Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tasco</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	61.010.347.222	61.010.347.222	61.010.347.222	61.010.347.222

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cho vay ủy thác Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	33.758.002.185	9.866.695.721	33.758.002.185	9.866.695.721
Cho vay ủy thác Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nội	22.160.000.000	6.816.623.905	22.160.000.000	6.816.623.905
Cộng	2.543.371.349.407	2.504.136.666.848	2.259.598.349.407	2.220.363.666.848

2c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ		Giá gốc	Số đầu năm	
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	332.675.319	88.532.675.319	88.200.000.000	166.875.976	88.366.875.976
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	4.678.607.258	24.830.807.258	20.152.200.000	3.326.443.784	23.478.643.784
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽³⁾	14.292.700.000	(1.320.057.351)	12.972.642.649	14.292.700.000	(1.636.581.267)	12.656.118.733
Cộng	122.644.900.000	3.691.225.226	126.336.125.226	122.644.900.000	1.856.738.493	124.501.638.493

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 850.000 USD, tương đương 42,5% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Số vốn Tổng Công ty đang góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang là 20.152.200.000 VND, chiếm 50% vốn điều lệ.

⁽³⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn Thông tin học điện tử tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ</u>	<u>Các khoản tăng, giảm khác</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u>
(1)	88.366.875.976	165.799.343	-	88.532.675.319
(2)	23.478.643.784	1.352.163.474	-	24.830.807.258
(3)	12.656.118.733	388.934.999	(72.411.083)	12.972.642.649
Cộng	<u>124.501.638.493</u>	<u>1.906.897.816</u>	<u>(72.411.083)</u>	<u>126.336.125.226</u>

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	1.919.228.563	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	1.332.110.756	2.940.000.000	1.332.110.756
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	418.351.145	17.080.000.000	418.351.145
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	-	-	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	14.900.000.000	1.243.865.235	14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	44.522.628.100	-	-	-
Công ty Cổ phần cấp phát nước Vĩnh Long	64.109.058.300	-	-	-
Cộng	<u>164.976.686.400</u>	<u>4.913.555.699</u>	<u>57.095.000.000</u>	<u>2.994.327.136</u>

2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.234.682.559	39.234.682.559
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.913.555.699	2.994.327.136
Cộng	<u>44.148.238.258</u>	<u>42.229.009.695</u>

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	277.397.259.017	277.949.634.261
Phải thu về tái bảo hiểm	43.990.706.940	51.256.317.017
Cộng	<u>321.387.965.957</u>	<u>329.205.951.278</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	104.469.221.957	80.273.380.435
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	7.825.969.629	4.787.355.238
Trả trước cho nhà cung cấp khác	16.265.984.307	10.367.090.094
Cộng	<u>128.561.175.893</u>	<u>95.427.825.767</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	151.426.575.667	121.847.447.280
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Phải thu khác tiền mua văn phòng tại Công ty Bảo hiểm Bru điện khu vực Nam Sông Hồng	8.620.000.000	-
Các khoản phải thu khác	71.714.995.497	33.249.738.929
Tạm ứng	33.172.290.979	14.285.714.099
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.668.848.219	3.534.254.103
Cộng	<u>274.216.892.116</u>	<u>178.531.336.165</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.775.146.467	2.372.034.406
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.125.170.235	3.414.382.070
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.485.418.208	2.644.226.402
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	65.964.813.804	61.980.597.725
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>77.350.548.714</u>	<u>70.411.240.603</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.285.091.017	6.691.847.016
Công cụ, dụng cụ	299.986.287	314.453.925
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.272.053	15.272.053
Hàng hóa	576.583.000	2.674.186.302
Cộng	<u>10.176.932.357</u>	<u>9.695.759.296</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	126.680.291.490	121.468.560.031
Chi phí khác	1.658.076.064	1.876.756.009
Cộng	<u>128.338.367.554</u>	<u>123.345.316.040</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số dư đầu năm	121.468.560.031
Số phát sinh trong kỳ	124.696.661.961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	<u>(119.484.930.502)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>126.680.291.490</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.081.220.181	3.119.597.546
Chi phí thuê nhà	4.592.444.663	3.469.144.657
Chi phí phát triển đại lý	350.866.465	379.910.155
Chi phí sửa chữa văn phòng	982.231.600	1.192.709.800
Chi phí đồng phục chờ phân bổ	1.197.279.000	-
Các khoản chi phí khác	7.354.568.545	6.065.036.128
Cộng	<u>16.558.610.454</u>	<u>14.226.398.286</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	20.179.866	590.632.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	24.397.482	24.397.482
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	766.155.998	295.274.763
Thuế khác	265.546.705	164.346.890
Cộng	<u>1.076.280.051</u>	<u>1.074.651.863</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.838.273.530	22.454.676.049	72.800.088.661	17.677.366.518	120.770.404.758
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	96.880.000	9.420.978.180	874.948.885	10.392.807.065
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(408.527.595)	(36.696.363)	(445.223.958)
Số cuối kỳ	<u>7.838.273.530</u>	<u>22.551.556.049</u>	<u>81.812.539.246</u>	<u>18.515.619.040</u>	<u>130.717.987.865</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.868.072.024	27.046.878.603	10.976.402.310	40.891.352.937
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.805.710.180	9.568.375.532	39.977.649.252	12.401.661.120	63.753.396.084
Khấu hao trong kỳ	104.171.730	1.744.802.634	2.892.512.388	1.043.679.036	5.785.165.788
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(408.527.595)	(36.696.363)	(445.223.958)
Số cuối kỳ	<u>1.909.881.910</u>	<u>11.313.178.166</u>	<u>42.461.634.045</u>	<u>13.408.643.793</u>	<u>69.093.337.914</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.032.563.350	12.886.300.517	32.822.439.409	5.275.705.398	57.017.008.674
Số cuối kỳ	5.928.391.620	11.238.377.883	39.350.905.201	5.106.975.247	61.624.649.951

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
-----------------------	---	---	---	---	---

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.200.890.000	5.175.173.011	7.376.063.011
Tăng trong kỳ	-	899.555.556	899.555.556
Giảm trong kỳ	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối kỳ	2.200.890.000	6.018.728.567	8.219.618.567

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.504.328.567	4.504.328.567
---------------------------------------	---	---------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	4.178.158.718	4.178.158.718
Khấu hao trong kỳ	-	327.015.018	327.015.018
Giảm trong kỳ	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối kỳ	-	4.449.173.736	4.449.173.736

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.200.890.000	997.014.293	3.197.904.293
Số cuối kỳ	2.200.890.000	1.569.554.831	3.770.444.831

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
-----------------------	---	---	---

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.975.492.055	90.970.255.582
Tăng do XDCB hoàn thành	-	129.723.630	129.723.630
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.994.763.527	84.105.215.685	91.099.979.212

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	636.588.406	636.588.406
Khấu hao trong kỳ	-	840.411.801	840.411.801
Số cuối kỳ	-	1.477.000.207	1.477.000.207

Giá trị còn lại

Số đầu năm	6.994.763.527	83.338.903.649	90.333.667.176
Số cuối kỳ	6.994.763.527	82.628.215.478	89.622.979.005

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (nắm giữ chờ tăng giá)	6.994.763.527	-	6.994.763.527
Bất động sản cho thuê sản thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4	84.105.215.685	1.477.000.207	82.628.215.478
Cộng	91.099.979.212	1.477.000.207	89.622.979.005

Thu nhập, chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong kỳ lần lượt là 1.425.981.600VND và 840.411.801VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	25.632.597.708	14.253.180.574	(129.723.630)	-	39.756.054.652
Sàn Thương mại Thủy lợi 4	-	129.723.630	(129.723.630)	-	-
Sàn Fhome	7.290.951.663	-	-	-	7.290.951.663
Dự án Xuân Phương	16.416.923.000	11.632.020.000	-	-	28.048.943.000
Công trình khác	1.924.723.045	2.491.436.944	-	-	4.416.159.989
Sửa chữa lớn TSCĐ	322.303.800	-	-	(47.840.000)	274.463.800
Cộng	25.954.901.508	14.253.180.574	(129.723.630)	(47.840.000)	40.030.518.452

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	89.111.327.650	90.614.253.320
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	47.998.408.617	30.685.018.585
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	6.284.966.522	6.347.241.582
Phải trả cho nhà cung cấp khác	29.981.693.584	30.022.292.339
Cộng	173.376.396.373	157.668.805.826

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	5.944.139.974	36.829.272.276
Người mua trả tiền trước	547.883.896	544.845.923
Cộng	6.492.023.870	37.374.118.199

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.677.931.432	15.285.240.503
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.688.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.742.289.170	548.638.336
Thuế thu nhập cá nhân	4.543.845.063	6.416.128.863
Các loại thuế khác	185.904.446	238.857.034
Cộng	<u>28.149.970.111</u>	<u>22.490.552.994</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.291.630.722	62.591.412.988
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.572.200.642)	(2.331.931.823)
<i>Xử lý dự phòng đầu tư vào Công ty con</i>	<i>969.062.021</i>	<i>(652.090.639)</i>
<i>Lãi từ công ty liên kết</i>	<i>(1.906.897.816)</i>	<i>(551.536.193)</i>
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>(1.209.573.720)</i>	<i>(1.016.490.861)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(424.791.127)</i>	<i>(111.814.130)</i>
Thu nhập tính thuế	90.719.430.080	60.259.481.165
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	18.143.886.016	13.257.085.856
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác</i>	<i>-</i>	<i>(9.257.085)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>168.247.650</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>18.312.133.666</u>	<u>13.247.828.771</u>

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.849.424.773	1.480.013.270
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	895.173.079	535.067.702
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.226.427.140	24.839.005.207
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.421.497.458	2.360.201.163
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	8.091.911.533	1.253.140.000
VNPost chuyển phí bảo hiểm chưa đổi chiều	13.698.443.401	12.255.848.309
Phải trả phải nộp khác	28.631.644.031	20.177.388.643
Cộng	<u>174.814.521.415</u>	<u>62.900.664.294</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (2)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (3) = (1) - (2)	Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (4)	Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (5)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (6) = (4) - (5)
18. Dự phòng nghiệp vụ						
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
<i>1. Dự phòng bồi thường</i>	684.527.023.890	214.357.823.210	470.169.200.680	526.976.288.537	254.901.312.799	272.074.975.738
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	655.413.358.312	214.357.823.210	441.055.535.102	506.810.849.406	254.901.312.799	251.909.536.607
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	29.113.665.578	-	29.113.665.578	20.165.439.131	-	20.165.439.131
<i>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	1.444.949.372.604	315.098.170.746	1.129.851.201.858	1.069.736.157.405	234.339.993.679	835.396.163.726
Cộng	2.129.476.396.494	529.455.993.956	1.600.020.402.538	1.596.712.445.942	489.241.306.478	1.107.471.139.464
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882	471.982.491.951	236.503.729.737	235.478.762.214
Số trích lập trong kỳ	101.530.087.072	-	101.530.087.072	54.993.796.586	18.397.583.062	36.596.213.524
Số hoàn nhập trong kỳ	-	821.321.726	(821.321.726)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	684.527.023.890	214.357.823.210	470.169.200.680	526.976.288.537	254.901.312.799	272.074.975.738
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384	885.293.494.537	156.412.673.364	728.880.821.173
Số trích lập trong kỳ	180.486.508.052	16.987.610.578	163.498.897.474	184.442.662.868	77.927.320.315	106.515.342.553
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.444.949.372.604	315.098.170.746	1.129.851.201.858	1.069.736.157.405	234.339.993.679	835.396.163.726

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	71.197.252.990	51.435.462.736
Số trích lập thêm trong kỳ	11.764.365.790	8.548.479.532
Số dư cuối kỳ	<u>82.961.618.780</u>	<u>59.983.942.268</u>

18c. Tài sản tái bảo hiểm

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>214.357.823.210</i>	<i>215.179.144.936</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	214.357.823.210	215.179.144.936
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	-	-
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>315.098.170.746</i>	<i>298.110.560.168</i>
Cộng	<u>529.455.993.956</u>	<u>513.289.705.104</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự trữ bắt buộc		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
Số dư đầu năm	503.957.090.000	60.296.215.488	17.511.684.675	28.471.899.039	63.787.564.819	894.552.368	674.919.006.389						
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	48.863.441.651	-	48.863.441.651						
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	656.593.279	-	(1.313.186.558)	-	(656.593.279)						
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(58.435.279.900)	-	(58.435.279.900)						
Thù lao và thưởng HĐQT	-	-	-	-	(1.313.186.558)	-	(1.313.186.558)						
Chia lãi cho bên liên doanh tại Xăng dầu	-	-	-	-	(96.270.302)	-	(96.270.302)						
Lợi ích sau thuế của Cổ đông không kiểm soát kỳ trước	-	-	-	-	-	41.523.098	41.523.098						
Tăng khác do hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	367.040.068	-	367.040.068						
Số dư cuối kỳ trước	503.957.090.000	60.296.215.488	18.168.277.954	28.471.899.039	51.860.123.220	936.075.466	663.689.681.167						
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	18.168.277.954	36.312.733.442	156.055.922.056	943.766.935	1.843.380.843.191						
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	75.207.843.777	-	75.207.843.777						
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	1.605.166.881	-	(1.735.166.881)	-	(130.000.000)						
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(96.522.600.800)	-	(96.522.600.800)						
Chi thù lao và thưởng HĐQT	-	-	-	-	(5.488.584.082)	-	(5.488.584.082)						
Lợi ích sau thuế của Cổ đông không kiểm soát trong kỳ	-	-	-	-	-	47.462.814	47.462.814						
Tăng giám khác	-	-	-	-	207.629.970	-	207.629.970						
Tăng khác do hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	(72.411.083)	-	(72.411.083)						
Số dư cuối kỳ	803.957.090.000	827.943.052.804	19.773.444.835	36.312.733.442	127.652.632.957	991.229.749	1.816.630.183.787						



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	24.839.005.207	5.502.543.693
Cổ tức năm trước phải trả	96.522.600.800	58.435.279.900
Cổ tức đã trả	2.135.178.867	29.506.978.425
Cộng	119.226.427.140	34.430.845.168

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu phí bảo hiểm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	1.478.619.285.589	1.116.559.798.992
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(8.121.817.344)	(10.163.406.113)
Phí nhận tái bảo hiểm	47.256.665.545	50.385.582.784
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.703.546.927)	(1.694.054.096)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(180.486.508.052)	(184.447.002.868)
Doanh thu thuần	1.334.564.078.811	970.640.918.699

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	36.150.338.568	22416743539
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	10.772.509.149	9.090.621.743
Cộng	46.922.847.717	31.507.365.282

3. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Là doanh thu cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	77.932.473.372	33.492.353.042
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	187.240.414	150.735.829
Lãi ủy thác đầu tư	4.622.414.551	100.054.186
Lãi kinh doanh chứng khoán	27.625.474.313	10.068.683.059
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.209.573.720	1.016.490.861
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	823.875.010	430.649.379
Lãi mua bán trái phiếu	2.383.472.222	-
Các khoản khác	29.396.791	51.591.885
Cộng	77.932.473.372	33.492.353.042

5. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	33.676.953.401	20675416123
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	8.066.142.820	6.081.843.658
Cộng	41.743.096.221	26.757.259.781

6. Giá vốn bất động sản đầu tư

Là giá vốn cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4

7. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	43.147.281	3.873.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.618.166	1.425.977.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.116.658
Lỗ kinh doanh chứng khoán	4.477.660.667	4.673.531.757
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.564.939.687	391.056.955
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(2.550.535.957)
Chi phí lãi thấu chi tài khoản ngân hàng	-	321.030.195
Chi phí khác	18.498.451.300	73.781.430
Cộng	26.135.817.101	4.339.831.487

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	132.667.082.598	125.632.540.624
Chi phí nguyên liệu vật liệu	6.745.136.629	6.366.774.946
Chi phí dụng cụ quản lý	6.394.766.947	3.842.747.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.358.020.360	3.474.532.460
Thuế phí và lệ phí	4.272.985.769	2.973.858.111
Chi phí dự phòng	6.977.479.675	2.698.271.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.410.760.172	25.622.054.902
Chi phí khác bằng tiền	40.096.023.295	35.964.759.790
Cộng	233.922.255.445	206.575.540.214

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75.207.870.813	48.863.441.651
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.207.843.777	48.863.441.651
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.395.709	50.395.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	935	970

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	80.395.709	50.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.395.709	50.395.709

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	3.330.261.000	2.852.504.196
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	144.000.000	495.665.416
Cộng	3.474.261.000	3.348.169.612

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đồng sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	1.439.070.803	864.336.941
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	352.088.270	263.161.888
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	147.849.174	83.037.253
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.108.993.539	4.003.377.967
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.017.507.737	1.302.653.088
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	332.457.427	729.351.046
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	15.894.366.753	18.143.535.757
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.123.598.085	4.439.208.318
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	6.523.582.559	12.145.829.559
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	45.131.712.442	32.797.742.054
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9.511.267.707	8.961.503.599
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.061.527.176	15.121.324.265

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	4.824.736.312	1.522.559.443
Cộng nợ phải thu	4.824.736.312	1.522.559.443
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.664.999.804	844.290.960
Cộng nợ phải trả	1.664.999.804	844.290.960

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.124.469.281.015	48.348.829.317	1.172.818.110.332
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	<u>1.124.469.281.015</u>	<u>48.348.829.317</u>	<u>1.172.818.110.332</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.114.153.915	1.784.816.458	2.898.970.373
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<u>2.898.970.373</u>
Doanh thu hoạt động tài chính			114.813.920.393
Chi phí tài chính			(26.135.817.101)
Thu nhập khác			1.906.897.816
Chi phí khác			380.281.478
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(572.622.237)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(18.312.133.666)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			275.809.535
Lợi nhuận sau thuế TNDN			<u>75.255.306.591</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	<u>126.792.342.307</u>	<u>2.630.663.944</u>	<u>129.423.006.251</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>19.708.256.483</u>	<u>2.028.284.052</u>	<u>21.736.540.535</u>
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	822.737.767.751	31.507.365.282	854.245.133.033
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	<u>822.737.767.751</u>	<u>31.507.365.282</u>	<u>854.245.133.033</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.740.593.824	890.893.478	20.631.487.302
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<u>20.631.487.302</u>
Doanh thu hoạt động tài chính			45.310.558.241
Chi phí tài chính			(4.339.831.487)
Thu nhập khác			588.934.080
Chi phí khác			(151.271.341)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			551.536.193
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(13.247.828.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(438.619.468)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			<u>48.904.964.749</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	<u>14.421.719.137</u>	<u>2.504.705.234</u>	<u>16.926.424.371</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>10.874.872.711</u>	<u>2.424.365.013</u>	<u>13.299.237.724</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.558.181.880.083	59.718.225.312	4.617.900.105.395
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			<u>4.617.900.105.395</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.765.103.505.047	36.166.416.561	2.801.269.921.608
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			<u>2.801.269.921.608</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.228.085.660.846	59.877.031.733	4.287.962.692.579
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			<u>4.287.962.692.579</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.409.716.050.781	34.456.544.786	2.444.172.595.567
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			409.253.821
Tổng nợ phải trả			<u>2.444.581.849.388</u>

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Lãnh đạo đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Đã quá hạn		Cộng
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	và/hoặc bị giảm giá	
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.126.397.663	-	160.126.397.663
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	68.252.520.447	11.249.543.813	79.502.064.260
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.426.443.000.000	116.928.349.407	2.543.371.349.407
Phải thu khách hàng	288.858.740.207	53.930.419.123	342.789.159.330
Các khoản phải thu khác	255.107.363.049	35.181.058.910	290.288.421.959
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115.056.686.400	49.920.000.000	164.976.686.400
Cộng	3.313.844.707.766	267.209.371.253	3.581.054.079.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	308.443.852.767		308.443.852.767
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	110.929.497.907	9.293.174.889	120.222.672.796
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.142.670.000.000		2.142.670.000.000
Phải thu khách hàng	343.789.015.987	53.734.184.945	397.523.200.932
Các khoản phải thu khác	146.069.779.910	34.951.816.617	181.021.596.527
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	139.475.785.028	34.920.000.000	174.395.785.028
Cộng	3.191.377.931.599	132.899.176.451	3.324.277.108.050

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	173.376.396.373	-	-	173.376.396.373
Các khoản phải trả khác	172.123.541.000	1.028.923.136	-	173.152.464.136
Cộng	345.499.937.373	1.028.923.136	-	346.528.860.509

Số đầu năm

Vay và nợ	2.029.800.000	-	-	2.029.800.000
Phải trả người bán	157.668.805.826	-	-	157.668.805.826
Các khoản phải trả khác	61.577.838.839	2.008.923.136	-	63.586.761.975
Cộng	221.276.444.665	2.008.923.136	-	223.285.367.801

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản ủy thác cho vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm ủy thác cho vay và kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.543.371.349.407	1.950.680.000.000
Vay và nợ ngắn hạn	-	(2.029.800.000)
Cộng	<u>2.543.371.349.407</u>	<u>1.950.680.000.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 39.513.818.670 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 13.532.240.854 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 1.258.914.727 VND (năm trước tăng/giảm 1.365.148.130 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay không có biến động lớn so với năm trước.

Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.126.397.663	-	308.443.852.767	-
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	79.502.064.260	(819.893.813)	120.222.672.796	(174.182.689)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.543.371.349.407	(39.234.682.559)	2.259.598.349.407	(39.234.682.559)
Phải thu khách hàng	342.789.159.330	(42.169.489.804)	397.523.200.932	(34.240.921.016)
Các khoản phải thu khác	290.288.421.959	(35.181.058.910)	179.875.799.783	(35.181.058.910)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	164.976.686.400	(4.913.555.699)	57.095.000.000	(2.994.327.136)
Cộng	3.581.054.079.019	(122.318.680.785)	3.322.758.875.685	(111.825.172.310)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	-	2.029.800.000
Phải trả người bán	173.376.396.373	157.668.805.826
Các khoản phải trả khác	173.152.464.136	63.586.761.975
Cộng	346.528.860.509	223.285.367.801

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	81,82	83,03
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	18,18	16,97
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,50	57,01
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,50	42,99
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,65	1,75
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,35	1,46
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,06	0,13
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	552,89	264,23
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,30	7,61
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,69	5,94
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,03	1,46
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,64	1,14
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	4,14	2,65

6. Biên khả năng thanh toán (Xem phụ lục trang 53-54)

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Lũy kế từ đầu năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.816.630.183.787	663.689.681.167
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	4.599.133.333.817	3.885.105.834.934
2. Nợ phải trả	2.782.503.150.030	3.221.416.153.767
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	313.153.036.565	276.178.336.976
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	92.098.710.686	94.914.802.094
Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn		
1.1 vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	24.830.807.258	23.523.197.629
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	123.674.365	39.637
Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp		
1.3 luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	-
Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang		
1.5 thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	51.388.977.497	54.995.272.787
Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau		
1.6 khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	1.493.750.661	2.134.791.136
Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên		
1.7 quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	14.261.500.905	14.261.500.905
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	221.054.325.880	181.263.534.882
2.1 Các Tài sản đầu tư	79.589.385.909	46.629.538.264
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	500.000.000	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	3.000.000.000	-
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	9.663.100.431	10.400.784.861
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	32.995.337.280	11.419.000.000
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại		
trừ 8% giá trị hạch toán;	735.652.282	4.311.213.402
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương		
mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	12.394.232.322	-
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ		
20% giá trị hạch toán.	20.301.063.594	20.498.540.000

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
2.2	Các khoản phải thu	4.305.187.644	3.783.365.646
	Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến		
a)	dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	1.242.602.527	2.124.959.586
	Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến		
b)	dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	3.062.585.118	1.658.406.060
2.3	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	18.323.673.898	14.078.566.114
2.4	Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	118.836.078.429	116.772.064.860
III.	Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.503.477.147.221	387.511.344.191
IV.	Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
	25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	294.109.144.762	213.711.988.305
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)			
	Chênh lệch theo số tuyệt đối	1.209.368.002.460	173.799.355.886
	Chênh lệch theo tỷ lệ %	511%	181%

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu

